



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
THÁNG 11 NĂM 2025

HÀ NỘI, THÁNG 11/2025

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước
Địa chỉ: số 10, ngõ 42 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội; Fax: 02437560034
Website: cewafo.gov.vn; Email: vt_ttcdbttn@mae.gov.vn

MỤC LỤC

I. LỜI GIỚI THIỆU	3
II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC.....	5
2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất	5
2.1.1. Mức nước	5
2.1.2. Chất lượng nước	9
2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất.....	10
2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)	10
2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)	11
2.2.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)	12
2.2.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p).....	13
2.2.5. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur (o ₃ -s)	13
2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất.....	14
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	14
PHỤ LỤC	16
GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT (QCVN 09:2023/BTNMT).....	16

I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất Thành phố Hải Phòng được biên soạn hàng tháng nhằm cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch và quản lý tài nguyên nước.

Thành phố Hải Phòng là một thành phố thuộc lưu vực sông Hồng – Thái Bình có diện tích tự nhiên là 3.194,7 km². Trong khu vực này mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Tài nguyên nước dưới đất Thành phố Hải Phòng gồm 2 tầng chứa nước chính là tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) và tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước qh là 928.666 m³/ngày, tầng chứa nước qp là 2.163.978 m³/ngày. Đối với tầng chứa nước n, c-p, o₃-s, tổng tài nguyên nước dự báo theo từng tầng chưa được đánh giá.

Nội dung chính của bản tin tháng bao gồm: Thông báo mực nước dưới đất trung bình tháng 10, chất lượng nước mùa khô năm 2025 và dự báo mực nước dưới đất hai tháng tiếp theo tại các tầng chứa nước chính, đưa ra những cảnh báo mực nước trung bình tháng, chất lượng nước trong phạm vi 20 trên tổng số 20 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: số 10, ngõ 42 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

Email: dttnnddat@mae.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

Nhìn chung mực nước dưới đất trung bình tháng 10 so với tháng trước có xu thế dâng tại lớp chứa nước qh₂, qp₂, qp₁, tầng chứa nước c-p, o₃-s; xu thế dâng hạ không đáng kể tại lớp chứa nước qh₁ và tầng chứa nước n; xu thế hạ tại tại lớp chứa nước qh₂. Chất lượng nước trong thành phố cho thấy hầu hết các thông số nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên có một số công trình có độ mặn, Mangan, Arsenic và Amoni vượt quá GTGH (QCVN 09:2023/BTNMT).

Dự báo mực nước dưới đất tháng 11 so với mực nước quan trắc tháng 10 có xu thế hạ tại lớp chứa nước qh₁, qp₂, qh₂, qp₁ và tầng chứa nước n, c-p, o₃-s .

Trong khu vực Thành phố Hải Phòng, thời điểm hiện tại chưa có công trình có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

Chi tiết xem nội dung bản tin./.

II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất

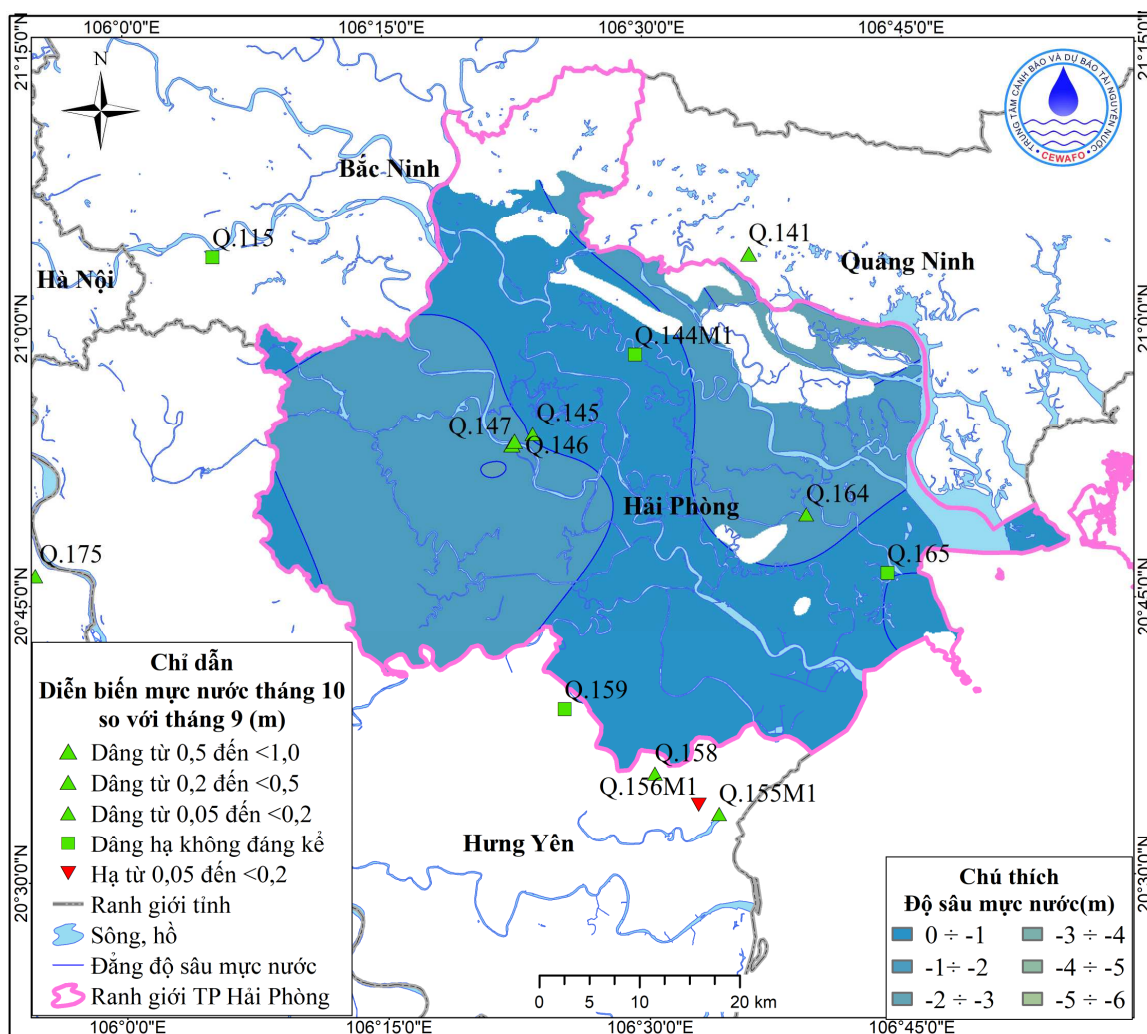
2.1.1. Mục nước

2.1.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)

Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế dâng. Giá trị dâng cao nhất là 0,35m tại xã Đại Sơn (Q.147).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,06m tại phường Dương Kinh (Q.165) và sâu nhất là -1,99m tại xã Đại Sơn (Q.146).

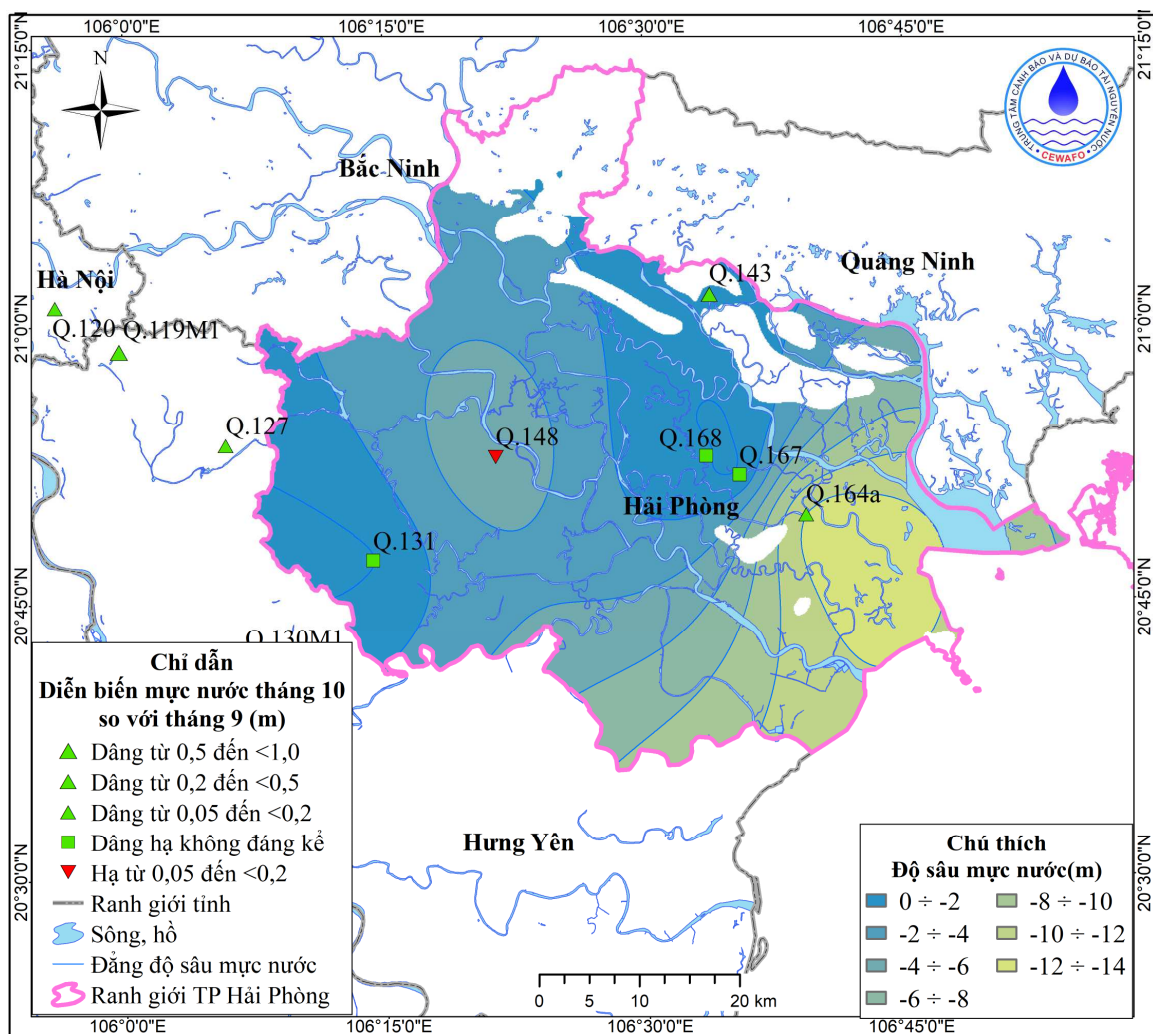


Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 lớp qh₂

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)

Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế dâng hạ không đáng kể. Giá trị dâng cao nhất là 0,27m tại phường Nhị Chiểu (Q.143).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -12m tại xã Thanh Miện (Q.131) và sâu nhất là 0,04m tại phường Kiến An (Q.164a).



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 lớp q_{h1}

2.1.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (q_p)

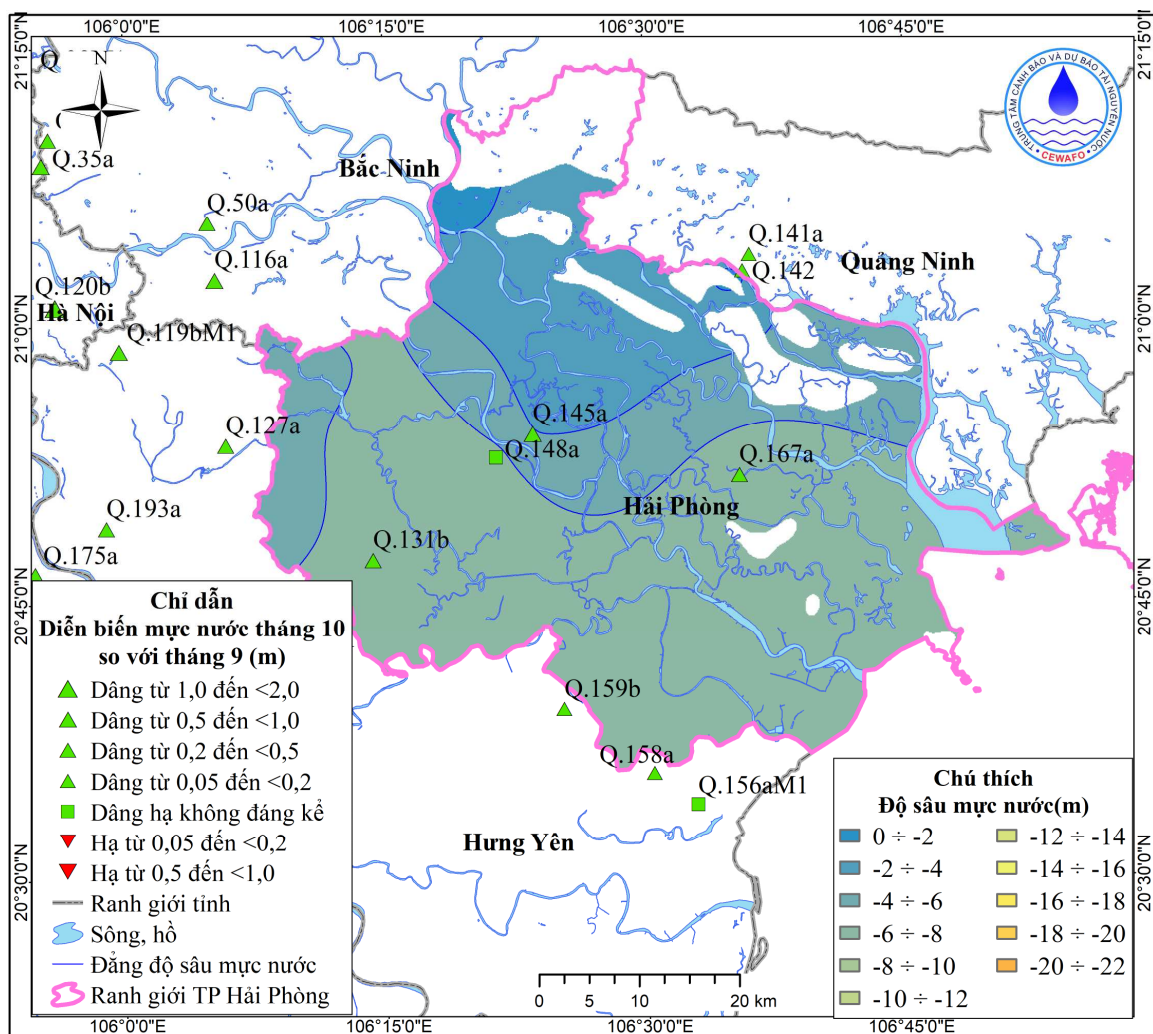
a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (q_{p2})

Theo kết quả quan trắc tại công trình Q.131a thuộc xã Thanh Miện, mực nước trung bình tháng 10 dâng 0,09m so với tháng 9.

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (q_{p1})

Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế dâng. Giá trị dâng cao nhất là 0,74m tại xã Hà Tây (Q.145a).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -4,16m tại xã Hà Tây (Q.145a) và sâu nhất là -7,16m tại phường An Dương (Q.167a).



Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 lớp q₁

2.1.1.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Theo kết quả quan trắc tại công trình Q.149 thuộc xã Tuệ Tĩnh, mực nước trung bình tháng 10 dâng hạ không đáng kể so với tháng 9.

2.1.1.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)

Theo kết quả quan trắc tại công trình Q.143a thuộc phường Nhị Chiểu, mực nước trung bình tháng 10 dâng 0,28m so với tháng 9.

2.1.1.5. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur (o₃-s)

Theo kết quả quan trắc tại công trình Q.164b phường Kiến An, mực nước trung bình tháng 10 dâng 0,07m so với tháng 9.

Bảng 1. Tổng hợp độ sâu mực nước tháng

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)					
I.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh ₂)					

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
1	Q.144M1	xã Phú Thái	-0,23	-0,29	-0,27
2	Q.145	xã Hà Tây	-0,75	-0,79	-0,77
3	Q.146	xã Đại Sơn	-1,90	-2,08	-1,99
4	Q.147	xã Đại Sơn	-1,72	-1,84	-1,79
5	Q.164	phường Kiến An	-1,50	-1,62	-1,56
6	Q.165	phường Dương Kinh	-0,01	-0,12	-0,06
I.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)					
1	Q.131	xã Thanh Miện	0,06	0,02	0,04
2	Q.148	xã Đại Sơn	-5,43	-5,48	-5,46
3	Q.164a	phường Kiến An	-11,94	-12,09	-12,00
4	Q.167	phường An Dương	-0,16	-0,53	-0,32
5	Q.168	phường An Phong	-0,13	-0,24	-0,18
6	Q.143	phường Nhị Chiểu	-0,60	-0,66	-0,63
II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)					
II.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp₂)					
1	Q.131a	xã Thanh Miện	-6,30	-6,83	-6,57
II.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp₁)					
1	Q.131b	xã Thanh Miện	-6,24	-6,75	-6,49
2	Q.145a	xã Hà Tây	-4,13	-4,18	-4,16
3	Q.148a	xã Đại Sơn	-6,57	-6,62	-6,60
4	Q.167a	phường An Dương	-7,00	-7,28	-7,16
III. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)					
1	Q.149	xã Tuệ Tĩnh	-5,00	-5,93	-5,26
IV. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)					
1	Q.143a	phường Nhị Chiểu	-4,50	-4,55	-4,52
V. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur (o₃-s)					
1	Q.164b	phường Kiến An	-12,97	-13,12	-13,04

2.1.2. Chất lượng nước

2.1.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến mặn, theo QCVN 09:2023/BTNMT một số thông số vượt quá giá trị giới hạn (GTGH), chi tiết như sau:

- Thông số độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 3/4 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.145 (xã Hà Tây).

- Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình có hàm lượng thấp hơn GTGH, có thông số Arsenic (1/2 công trình) vượt GTGH tại công trình Q.146 (xã Đại Sơn).

- Thông số Amoni (NH₄⁺): Theo kết quả phân tích có 3/3 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.146 (xã Đại Sơn).

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến mặn, theo QCVN 09:2023/BTNMT một số thông số vượt quá giá trị giới hạn (GTGH), chi tiết như sau:

- Thông số độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 2/3 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.148 (xã Đại Sơn).

- Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích không có công trình nào vượt GTGH.

- Thông số Amoni (NH₄⁺): Theo kết quả phân tích có 1/2 công trình vượt GTGH, vượt tại công trình Q.143 (phường Nhị Chiểu).

2.1.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp₂)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại công trình Q.131a (xã Thanh Miện) cho thấy nước thuộc loại nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT không có thông số nào vượt GTGH.

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp₁)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến mặn, theo QCVN 09:2023/BTNMT một số thông số vượt quá giá trị giới hạn (GTGH), chi tiết như sau:

- Thông số độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 2/3 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.145a (xã Hà Tây).

- Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình có hàm lượng thấp hơn GTGH, có thông số Mangan (1/2 công trình) vượt GTGH tại công trình Q.148a (xã Đại Sơn).

- Thông số Amoni (NH_4^+): Theo kết quả phân tích có 1/2 công trình vượt GTGH, vượt tại công trình Q.148a (xã Đại Sơn).

2.1.2.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại công trình Q.149 (xã Tuệ Tĩnh) cho thấy nước thuộc loại nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT không có thông số nào vượt GTGH.

2.1.2.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại công trình Q.143a (phường Nhị Chiểu) cho thấy nước thuộc loại nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT không có thông số nào vượt GTGH.

2.1.2.5. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur (o_3-s)

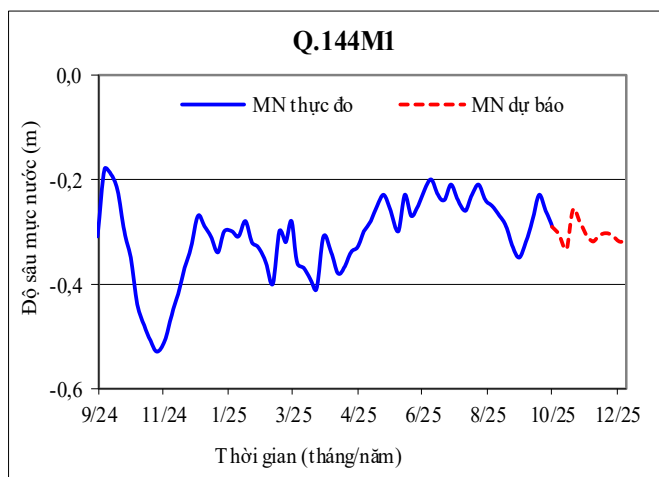
Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại công trình Q.164b (phường Kiến An) cho thấy nước thuộc loại nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT không có thông số nào vượt GTGH.

2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất

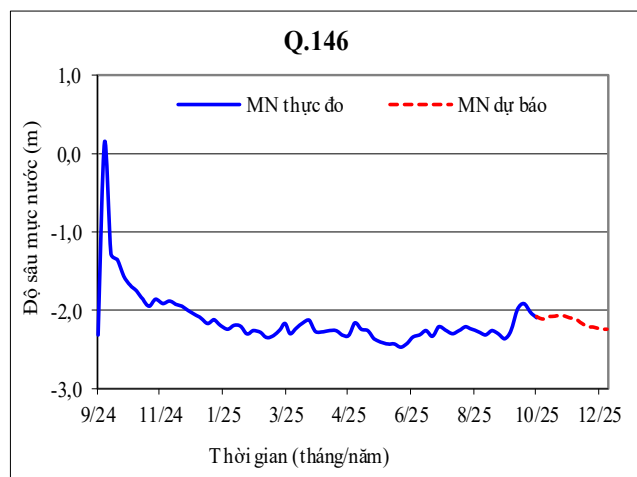
2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

2.2.1.1. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh_2)

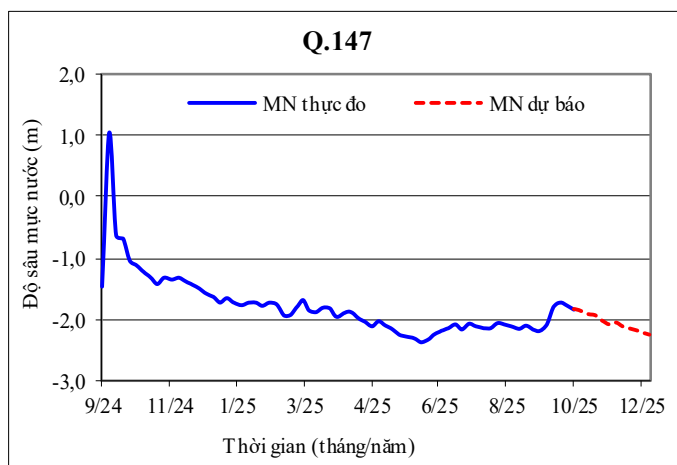
Trong tháng 11 và tháng 12 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,2 - 0,3m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a. xã Phú Thái (Q.144M1)



b. xã Đại Sơn (Q.146)

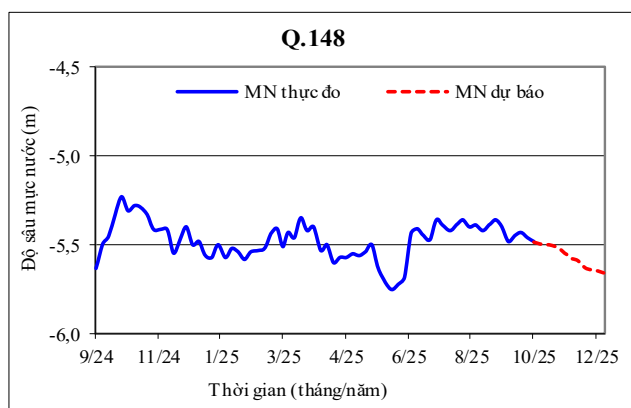


c. xã Đại Sơn (Q.147)

Hình 4. Dự báo độ sâu mực nước lớp qh_2

2.2.1.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh_1)

Trong tháng 11 và tháng 12 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,1 - 0,3m. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình quan trắc Q.148 như sau:

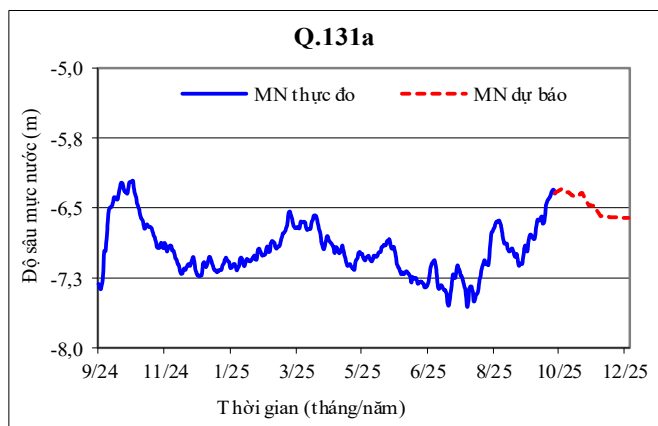


Hình 5. Dự báo độ sâu mực nước lớp qh_1

2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

2.2.2.1. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp_2)

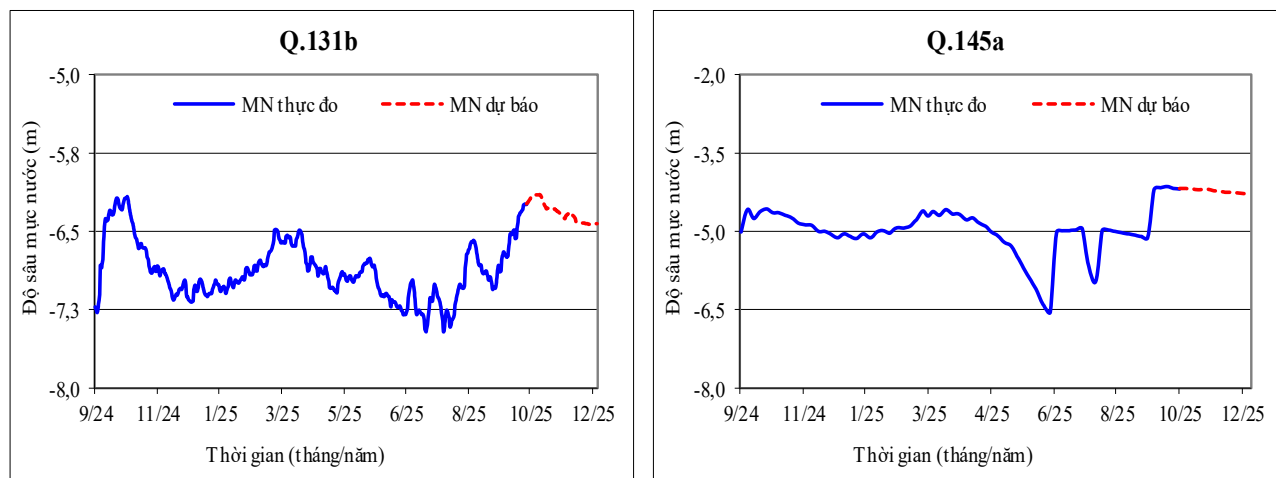
Trong tháng 11 và tháng 12 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,2 - 0,3m. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q.131a như sau:



Hình 6. Dự báo độ sâu mực nước lớp qp_2

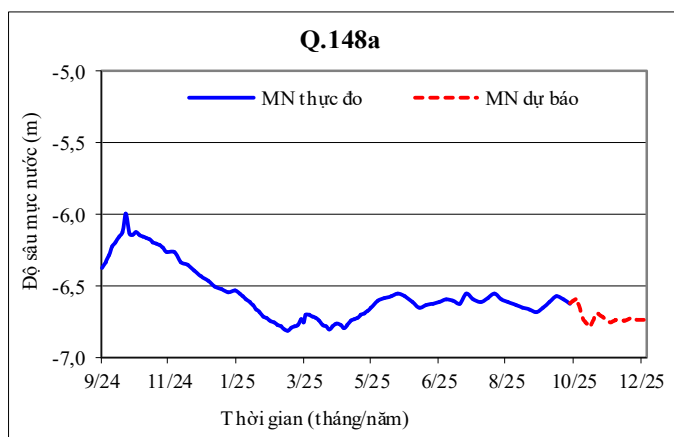
2.2.2.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp_1)

Trong tháng 11 và tháng 12 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,2-0,4m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a. xã Thanh Miện (Q.131b)

b. xã Hà Tây (Q.145a)

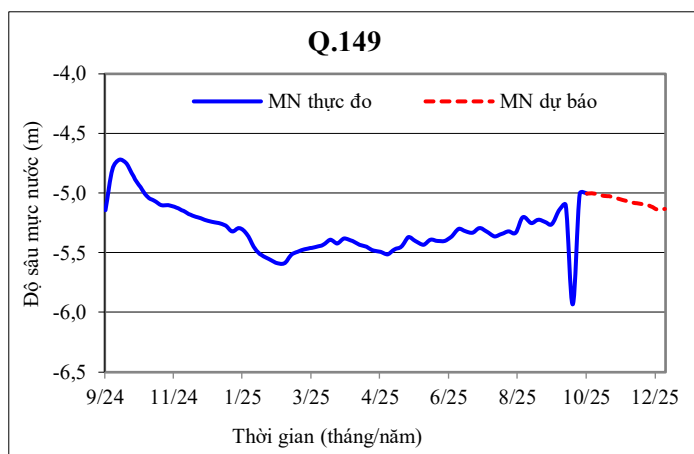


c. xã Đại Sơn (Q.148a)

Hình 7. Dự báo độ sâu mực nước lớp qp_1

2.2.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

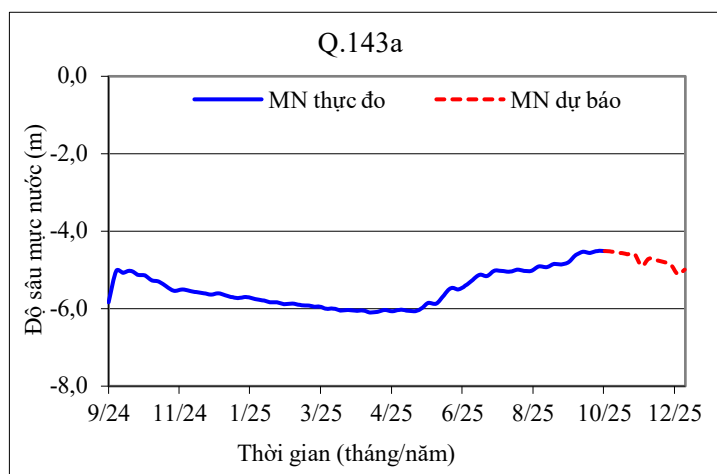
Trong tháng 11 và tháng 12 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,2- 0,4m, đến tháng 11 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình quan trắc Q.149 như sau:



Hình 8. Dự báo độ sâu mực nước tầng n

2.2.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)

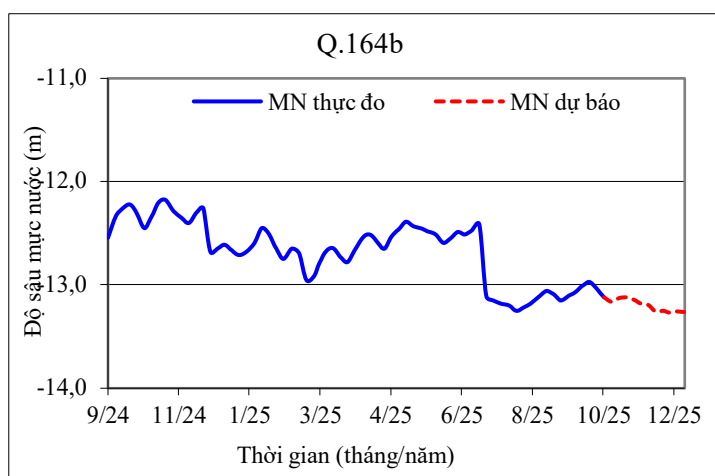
Trong tháng 11 và tháng 12 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,1- 0,3m. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình quan trắc Q.143a như sau



Hình 9. Dự báo độ sâu mực nước tầng c-p

2.2.5. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur (o₃-s)

Trong tháng 11 và tháng 12 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,1- 0,3m. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình quan trắc Q.164b như sau:



Hình 10. Dự báo độ sâu mực nước tầng o₃-s

Bảng 2. Tổng hợp độ sâu mực nước dự báo

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)						
I.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh ₂)						
1	Q.144M1	xã Phú Thái	-0,26	-0,33	-0,30	06/11/2025
2	Q.145	xã Hà Tây	-0,83	-0,94	-0,87	30/11/2025
3	Q.146	xã Đại Sơn	-2,07	-2,11	-2,09	30/11/2025

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
4	Q.147	xã Đại Sơn	-1,93	-2,09	-2,01	24/11/2025
5	Q.164	phường Kiến An	-3,66	-1,72	-1,63	23/11/2025
6	Q.165	phường Dương Kinh	-0,01	-0,21	-0,11	30/11/2025
I.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)						
1	Q.131	xã Thanh Miện	-0,05	-0,09	-0,06	30/11/2025
2	Q.148	xã Đại Sơn	-5,49	-5,57	-5,53	30/11/2025
3	Q.164a	phường Kiến An	-12,25	-12,39	-12,34	24/11/2025
4	Q.167	phường An Dương	-0,12	-0,26	-0,20	24/11/2025
5	Q.168	phường An Phong	-0,26	-0,28	-0,27	06/11/2025
6	Q.143	phường Nhị Chiểu	-0,66	-0,77	-0,71	30/11/2025
II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)						
II.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp₂)						
1	Q.131a	xã Thanh Miện	-6,31	-6,47	-6,39	30/11/2025
II.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp₁)						
1	Q.131b	xã Thanh Miện	-6,15	-6,39	-6,27	30/11/2025
2	Q.145a	xã Hà Tây	-4,20	-4,24	-4,21	30/11/2025
3	Q.148a	xã Đại Sơn	-6,64	-6,79	-6,73	11/11/2025
4	Q.167a	phường An Dương	-6,95	-7,00	-6,98	30/11/2025
III. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)						
1	Q.149	xã Tuệ Tĩnh	-5,02	-5,07	-5,04	30/11/2025
IV. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)						
1	Q.143a	phường Nhị Chiểu	-4,55	-4,89	-4,66	24/11/2025
V. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur (o₃-s)						
1	Q.164b	phường Kiến An	-13,12	-13,19	-13,15	30/11/2025

2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất

Theo Khoản 2, Điều 24 của Nghị định 131/2025/NĐ-CP về giới hạn mực nước khai thác, trong thành phố Hải Phòng thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trên phạm vi thành phố Hải Phòng chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong thành phố và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Đa số các thông số chất lượng nước trên lưu vực sông nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 09:2023/BTNMT. Tuy nhiên một số công trình có thông số vượt GTGH, tập trung ở các tầng chứa nước Holocen (qh), Pleistocen (qp). Các thông số vượt bao gồm độ mặn (TDS), Mangan, Arsenic và Amoni. Một số khu vực đáng lưu ý như sau:

+ Tầng qh: Độ mặn vượt lớn nhất tại xã Hà Tây (Q.145); Arsenic, Amoni vượt lớn nhất tại xã Đại Sơn (Q.146);

+ Tầng qp: Độ mặn vượt tại xã Hà Tây (Q.145a); Mangan, Amoni vượt tại xã Đại Sơn (Q.148a).

Đề nghị các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương:

- Rà soát, cập nhật thông tin chất lượng nước tại các khu vực trên;
- Kịp thời ban hành cảnh báo và hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn.

PHỤ LỤC
GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(QCVN 09:2023/BTNMT)

	TT	Thông số	Đơn vị	GTGH
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO_3^- tính theo Nitơ)	mg/l	15
	4	Amoni (NH_4^+ tính theo Nitơ)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl^-)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO_2^- tính theo Nitơ)	mg/l	1
	10	Fluoride (F^-)	mg/l	1
	11	Sulfate (SO_4^{2-})	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN^-)	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6$)	mg/l	0,0001
	24	Lindane ($\text{C}_6\text{H}_6\text{Cl}_6$)	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6\text{O}$)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) ($\text{C}_{14}\text{H}_9\text{Cl}_5$)	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde ($\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7$ & $\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7\text{O}$)	mg/l	0,001
	28	Diazinon ($\text{C}_{12}\text{H}_{21}\text{N}_2\text{O}_3\text{PS}$)	mg/l	0,02
	29	Parathion ($\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{NO}_5\text{PS}$)	mg/l	0,06
	30	Phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện